



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	07 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	12 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 trình bày Báo cáo của Ban giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

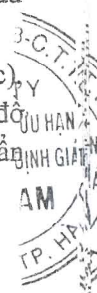
Khái quát chung về Công ty

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Dược phẩm Trung ương 2 trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 theo quyết định số 046/QĐ-TCTD ngày 29/06/2010 của Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 số 0300483319 ngày 03/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 số 0300483319 ngày 03/10/2012 vốn điều lệ của Công ty là **102.777.872.638 đồng** (Một trăm lẻ hai tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng.)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn cao su; kinh doanh nguyên liệu ngành dược; Kinh doanh các mặt hàng: nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh, bao bì và các sản phẩm y tế khác, tinh dầu, hương liệu; hóa chất các loại, hóa chất xét nghiệm và kiểm nghiệm phục vụ ngành y tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm dinh dưỡng y tế; Kinh doanh thực phẩm chức năng, dầu động thực vật;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng: dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh; bông băng, gạc, kính mát, kính thuốc; Bán buôn đồ dùng khác dùng cho gia đình: dụng cụ y tế. Mua bán vắc xin, sinh phẩm y tế. Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng cho lĩnh vực gia dụng và y tế;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh máy móc thiết bị y tế và dược;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: giao nhận hàng hóa;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (trừ sản xuất bột giấy);
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic (trừ tái chế phế thải);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Địa chỉ: Số 334 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3866 9876 Fax: (84-8) 3865 0750

Đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Tây Nguyên
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Hà Nội
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 - Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Thành phố Vinh

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, gồm:

Ông Lê Văn Sơn	Giám đốc
Ông Bùi Hữu Hiền	Phó Giám đốc
Ông Trương Xuân Liên	Phó Giám đốc
Ông Lê Xuân Hải	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

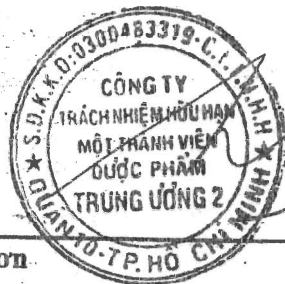
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2



DS. Lê Văn Sơn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2013



Số: 227 13/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012
của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được lập tại ngày 05 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp. Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) theo Báo cáo kiểm toán số 95/2012/BC.KTTC-AASC.HCM ngày 07/04/2012 và có dạng ý kiến chấp nhận từng phần.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

- Công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào Công ty TNHH Dược phẩm Codupha tại Lào (tỷ lệ góp vốn 93,7%) trên Tài khoản 228 - Đầu tư tài chính dài hạn khác là chưa phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Đồng thời Công ty chưa thực hiện việc đánh giá khoản dự phòng cần thiết liên quan đến khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến các khoản mục nêu trên cũng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty.
- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty thực hiện xử lý tài chính đối với một số hàng tồn kho hết hạn sử dụng là chưa phù hợp với quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện loại trừ phần lãi nội bộ chưa thực hiện trong hàng tồn kho tại các chi nhánh và các cửa hàng trực thuộc khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Khoản phải thu tiền khuyến mại thuộc vi phạm Nghị định 37/2006/NĐ-CP theo Biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2006 đang được trừ dần vào lợi nhuận sau thuế hàng năm.
- Như đã trình bày tại thuyết minh số 2, phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là chưa phù hợp với quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp dẫn đến các khoản mục Tiền, Phải thu khách hàng, Phải trả người bán, Doanh thu hoạt động tài chính, Chi phí tài chính phản ánh chưa đúng thực tế phát sinh.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính 2012 :

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính:

Như đã trình bày tại thuyết minh phần IV mục 4.1 của bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Trung tâm phân phối đã hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 27/7/2011. Hiện nay Công ty đang lập hồ sơ quyết toán, theo đó nguyên giá và khấu hao được phản ánh trong Báo cáo tài chính tổng hợp là nguyên giá tạm tính với số tiền 41.326.255.912 đồng và khấu hao tạm trích lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 là 2.066.312.796 đồng.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười lăm (15) bản bằng tiếng Việt. Công ty TNHH MTV Dược phẩm trung ương 2 giữ mười bốn (14) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1410/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.228.818.301.006	1.135.223.831.409
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.205.046.862	41.927.636.444
1 Tiền	111	V.1.	50.205.046.862	41.927.636.444
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		665.278.788.480	618.255.170.037
1 Phải thu của khách hàng	131		650.143.982.785	576.126.913.329
2 Trả trước cho người bán	132		8.136.162.938	6.470.835.851
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	3.342.403.340
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	13.429.139.592	33.551.870.307
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.430.496.835)	(1.236.852.790)
IV Hàng tồn kho	140		496.293.281.503	461.086.084.434
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	497.547.474.205	461.086.084.434
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.254.192.702)	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		17.041.184.161	13.954.940.494
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		896.471.058	232.472.614
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.901.644.970	6.921.319.139
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10.	94.764.105	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		8.148.304.028	6.801.148.741
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		79.793.106.489	80.643.352.197
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		62.891.994.319	66.607.983.897
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	55.949.050.210	8.691.511.352
- Nguyên giá	222		101.813.307.781	48.986.381.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.864.257.571)	(40.294.870.127)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	6.942.944.109	6.942.944.109
- Nguyên giá	228		8.874.340.778	8.874.340.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.931.396.669)	(1.931.396.669)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	-	50.973.528.436
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7.	14.035.368.300	14.035.368.300
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.535.808.300	13.535.808.300
3 Đầu tư dài hạn khác	258		499.560.000	499.560.000
V Tài sản dài hạn khác	260		2.865.743.870	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	2.865.743.870	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.308.611.407.495	1.215.867.183.606

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.179.941.243.724	1.102.531.267.584
I Nợ ngắn hạn	310		1.177.466.074.163	1.088.777.779.833
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	419.093.149.653	491.816.332.288
2 Phải trả người bán	312		604.996.938.541	441.284.301.510
3 Người mua trả tiền trước	313		31.433.413.453	19.008.053.057
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	4.344.816.951	7.063.884.787
5 Phải trả người lao động	315		11.955.039.924	5.996.745.072
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	6.011.901.138	5.120.986.667
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	102.202.553.493	118.446.860.720
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2.571.738.990)	40.615.732
II Nợ dài hạn	330		2.475.169.561	13.753.487.751
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	-	11.444.077.693
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.917.040.058
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		2.475.169.561	392.370.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		128.670.163.771	113.335.916.022
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	128.670.163.771	113.335.916.022
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		68.449.404.888	64.953.432.430
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(4.334.247.749)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		44.777.554.473	39.200.319.511
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		15.443.204.410	13.516.411.830
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.308.611.407.495	1.215.867.183.606

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1 Tài sản thuê ngoài			-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			-	-
5 Ngoại tệ các loại				
USD			394.898,92	124.295,70
EUR			600,77	581,52
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự toán			-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập

Kế toán trưởng




CN. Chu Thị Bích Hồng

CN. Nguyễn Văn Tuất



DS. Lê Văn Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15.	2.699.761.586.072	2.462.128.376.305
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16.	27.650.679.056	29.789.596.260
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	2.672.110.907.016	2.432.338.780.045
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	2.448.542.579.179	2.207.968.013.346
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		223.568.327.837	224.370.766.699
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	31.843.649.492	34.383.340.702
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	95.218.495.035	113.781.716.709
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		86.862.087.105	95.141.479.508
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.1	109.937.709.164	99.064.127.337
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.2	32.382.461.410	26.347.303.357
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		17.873.311.720	19.560.959.998
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.3	7.712.670.592	3.228.230.735
12 Chi phí khác	32	VIII.2.4	22.589.132	24.609.917
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.690.081.460	3.203.620.818
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.563.393.180	22.764.580.816
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21.	6.295.467.378	5.689.891.037
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.267.925.802	17.074.689.779

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập

Kế toán trưởng




CN. Chu Thị Bích Hồng

CN. Nguyễn Văn Tuất



ĐS. Lê Văn Sơn

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.864.696.749.680	2.418.439.633.871
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.826.148.542.272)	(2.090.154.233.993)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(43.907.437.906)	(50.617.900.695)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(71.306.579.757)	(90.774.812.841)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.948.033.210)	(4.562.543.545)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		151.990.869.242	135.528.936.430
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(990.645.131.769)	(208.709.571.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.731.894.008	109.149.507.956
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TSDH khác	21		(2.909.813.691)	(14.426.619.616)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH	22		107.045.454	387.836.659
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		943.963.007	605.687.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.858.805.230)	(13.433.095.218)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.472.886.504.922	1.264.100.873.273
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.539.482.183.282)	(1.359.638.134.680)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(66.595.678.360)	(95.537.261.407)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8.277.410.418	179.151.331
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		41.927.636.444	41.772.213.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(23.727.908)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	50.205.046.862	41.927.636.444

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập

Kế toán trưởng




CN. Chu Thị Bích Hồng

CN. Nguyễn Văn Tuất



DS. Lê Văn Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Dược phẩm Trung ương 2 trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 theo quyết định số 046/QĐ-TCTD ngày 29/06/2010 của Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 số 0300483319 ngày 03/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 số 0300483319 ngày 03/10/2012 vốn điều lệ của Công ty là 102.777.872.638 đồng (Một trăm lẻ hai tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng.)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn cao su; kinh doanh nguyên liệu ngành dược; Kinh doanh các mặt hàng: nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh, bao bì và các sản phẩm y tế khác, tinh dầu, hương liệu; hóa chất các loại, hóa chất xét nghiệm và kiểm nghiệm phục vụ ngành y tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm dinh dưỡng y tế; Kinh doanh thực phẩm chức năng, dầu động thực vật;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng: dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường; mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh; bông băng, gạc, kính mát, kính thuốc; Bán buôn đồ dùng khác dùng cho gia đình: dụng cụ y tế. Mua bán vắc xin, sinh phẩm y tế. Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng cho lĩnh vực gia dụng và y tế;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh máy móc thiết bị y tế và dược;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: giao nhận hàng hóa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ sản xuất bột giấy);
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic (trừ tái chế phế thải);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Địa chỉ: Số 334 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3866 9876 Fax: (84-8) 3865 0750

Đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Tây Nguyên
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 tại Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Hà Nội
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 - Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 Thành phố Vinh

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ, nhưng Công ty chưa thực hiện loại trừ phần lãi nội bộ chưa thực hiện trong hàng tồn kho tại các chi nhánh và các cửa hàng trực thuộc khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2012, Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam vào ngày cuối mỗi tháng. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối tháng sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, phần còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp giá đích danh theo lô.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng hóa khi giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đã trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị 1.254.192.702 đồng phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trung tâm phân phối đang được Công ty đưa vào sử dụng theo Biên bản tổng nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 27/7/2011 và tạm ghi nhận nguyên giá theo chi phí tập hợp với giá trị 41.326.255.912 đồng, khấu hao tạm trích năm 2012 là 2.066.312.796 đồng. Khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính theo giá trị tài sản được duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa vật kiến trúc	10-30
Máy móc, thiết bị	10-15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
TSCĐ khác	03-05

4.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Năm 2012

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Quyền sử dụng đất

không trích khấu hao

Phần mềm máy vi tính

03-08

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không trích lập Dự phòng đầu tư dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau gồm chi phí công cụ văn phòng phát sinh một lần quá lớn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm:

Khoản trích trước các chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận dựa theo hợp đồng và các chi phí tập hợp nhưng chưa hoàn tất thủ tục quyết toán giá trị và chưa có hóa đơn Giá trị gia tăng.

Chi phí lãi vay phải trả được trích trước dựa trên số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất vay thực tế trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 và Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/09/2010 hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá dược phẩm, cho thuê mặt bằng; doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức từ hoạt động đầu tư.

Doanh thu bán hàng hoá dược phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, và chênh lệch tỉ giá phù hợp các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức căn cứ vào giấy chuyển tiền của bên nhận đầu tư, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và các khoản chiết khấu thanh toán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Nguyên tắc xác định lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa theo thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở nên.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với các loại dược phẩm thông thường; 10% đối với dịch vụ cho thuê mặt bằng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	1.631.858.410	1.054.022.200
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	47.051.851.452	40.873.614.244
Tài khoản VND	39.535.261.656	38.263.241.309
Tài khoản USD	7.506.680.371	2.598.881.424
Tài khoản EUR	9.890.307	11.472.393
Tài khoản AUD	19.118	19.118
<i>Tiền đang chuyển</i>	1.521.337.000	-
Tổng cộng	50.205.046.862	41.927.636.444
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tiền khuyến mại thuộc vi phạm Nghị định 37/2006/NĐ-CP theo Biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2006	-	4.095.145.598
Phải thu hàng vận chuyển cho chi nhánh bị hòa hoãn	-	1.147.853.155
Phải thu Công ty TNHH Môi trường xanh Enco	-	209.999.999
Phải thu Bộ Y tế tiền hỗ trợ lãi suất hàng dự trữ lưu thông	-	17.652.016.557
Phải thu tiền thuê kho	1.689.883.067	4.127.907.920
Bảo lãnh dự thầu	-	200.000.000
Phải thu hàng ký quỹ dự thầu	-	446.082.112
Lãi hàng bán trả chậm	1.678.870.770	4.988.940.572
Phải thu tiền hàng ủy thác	916.342.344	-
Phải thu tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế nhập khẩu bị truy thu theo QĐ số 230/QĐ-STQ/ÁĐT-ĐSTQ1 ngày 2/10/2012	1.006.969.664	-
Phải thu Công ty TNHH Vận tải Giao nhận hàng hóa Nam Thắng	842.976.804	-
tiền bồi thường hàng cháy nổ	-	-
Phải thu các cửa hàng kinh doanh thuốc	7.188.402.633	-
Phải thu khác	47.667.534	683.924.394
Dư nợ bảo hiểm	58.026.776	-
Tổng cộng	13.429.139.592	33.551.870.307
3. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	199.259.821	222.368.258
Công cụ, dụng cụ	-	2.940.385.450
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	30.000.000
Hàng hóa	497.348.214.384	457.893.330.726
Cộng giá gốc hàng tồn kho	497.547.474.205	461.086.084.434

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 334 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3866 9876 Fax: (84-8) 3865 0750

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
cho năm tài chính 2012

Mẫu số B 09 - DN

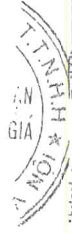
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2012	20.531.529.606	1.468.802.155	20.863.424.182	5.354.984.232	767.641.304	48.986.381.479	
Mua trong năm	-	2.765.548.727	1.960.541.908	883.357.003	57.807.463	5.667.255.101	
Đầu tư XDCB hoàn thành	47.387.661.677	-	-	-	-	47.387.661.677	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(193.390.476)	(34.600.000)	-	(227.990.476)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2012	67.919.191.283	4.234.350.882	22.630.575.614	6.203.741.235	825.448.767	101.813.307.781	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2012	19.174.625.651	985.452.104	15.185.826.288	4.181.324.780	767.641.304	40.294.870.127	
Khấu hao trong năm	3.118.419.989	431.621.504	1.688.768.447	529.664.252	28.903.728	5.797.377.920	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(193.390.476)	(34.600.000)	-	(227.990.476)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2012	22.293.045.640	1.417.073.608	16.681.204.259	4.676.389.032	796.545.032	45.864.257.571	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2012	1.356.903.955	483.350.051	5.677.597.894	1.173.659.452	-	8.691.511.352	
Tại ngày 31/12/2012	45.626.145.643	2.817.277.274	5.949.371.355	1.527.352.203	28.903.735	55.949.050.210	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Đơn vị tính: VND	
			Tổng cộng	
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2012	8.227.203.094	647.137.684	8.874.340.778	
Mua trong kỳ	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2012	8.227.203.094	647.137.684	8.874.340.778	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2012	1.284.258.985	647.137.684	1.931.396.669	
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2012	1.284.258.985	647.137.684	1.931.396.669	
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2012	6.942.944.109	-	6.942.944.109	
Tại ngày 31/12/2012	6.942.944.109	-	6.942.944.109	

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012		01/01/2012	
	VND		VND	
Xây dựng cơ bản	-	-	50.973.528.436	
Chi phí thiết kế kỹ thuật nhà kho và văn phòng Chi nhánh Đắc Lắc	-	-	8.522.833.564	
Chi phí xây dựng Trung tâm phân phối thuốc Codupha	-	-	42.450.694.872	
Tổng cộng	-	-	50.973.528.436	

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13.535.808.300		13.535.808.300
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	97,30%	13.535.808.300	97,30%	13.535.808.300

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác	44.000	499.560.000	44.000	499.560.000
Công ty Cổ phần Dược và TBYT Tuyên Quang	43.000	399.560.000	43.000	399.560.000
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Việt Nam	1.000	100.000.000	1.000	100.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí Công cụ dụng cụ, thiết bị quản lý	2.865.743.870	-
Tổng cộng	2.865.743.870	-
9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	419.093.149.653	485.711.383.172
VND		
Văn phòng Công ty	360.413.575.308	474.335.725.903
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	4.985.782.570
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển Sài Gòn (1)	29.675.220.269	76.302.682.416
Chi nhánh Ngân hàng Far East National - CN Hồ Chí Minh (2)	51.700.346.297	23.521.472.579
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3)	126.330.740.520	174.865.280.335
Ngân hàng TMCP Quân đội (4)	62.047.796.732	46.275.398.406
Ngân hàng NN&PTNT	-	6.233.170.597
Ngân hàng Sacombank (5)	15.976.735.096	18.781.252.000
Ngân hàng TMCM Ngoại thương Việt Nam (6)	51.373.183.215	109.552.580.937
Huy động vốn CBCNV Công ty (7)	23.309.553.179	13.818.106.063
Chi nhánh Hà Nội	58.679.574.345	11.375.657.269
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (8)	17.348.754.449	-
Ngân hàng PT Nhà Đổng bằng sông Cửu Long - CN Hà Nội (9)	4.209.569.700	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (10)	8.513.518.391	2.174.755.431
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (11)	20.222.782.478	8.213.697.728
Huy động vốn CBCNV Công ty (12)	8.384.949.327	987.204.110
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	6.104.949.116
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	6.104.949.116
Tổng cộng	419.093.149.653	491.816.332.288

(1) Hợp đồng tín dụng số 1040/2008/HĐ ngày 22/12/2008, và văn bản sửa đổi bổ sung số 365/2012/PLHĐ ngày 24/02/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND (dư nợ không vượt quá 120.000.000.000 VND);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 132A - Nguyễn Văn Cừ nối dài, Phường An Bình, TP Cần Thơ.

(2) Hợp đồng tín dụng số 121032 ngày 30/11/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Các khoản phải thu từ khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

- (3) Hợp đồng tín dụng số 12.352001/HỆTDHM ngày 06/09/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 340.000.000.000 VND (dư nợ không vượt quá 265.000.000.000 VND);
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 330.12.201.617557.TD ngày 28/09/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
- (5) Hợp đồng tín dụng số LD1116400117 ngày 14/06/2011, kèm thông báo cấp TD ngày 04/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay bao gồm hàng hóa và các khoản phải thu được hình thành từ các thương vụ do Sacombank tài trợ vốn.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 0003/KH/12NH ngày 03/01/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND (dư nợ không vượt quá 120.000.000.000 VND);
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
- (7) Vay cán bộ công nhân viên công ty, với các điều khoản chi tiết sau:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 11%
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
- (8) Hợp đồng tín dụng số 01-2012/NHTMCPCTCD-DPTW2 ngày 30/08/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
- (9) Hợp đồng tín dụng số HM.0017.12/HỆTD ngày 27/04/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(10) Hợp đồng tín dụng số 120022/HDDCTD.SGD.NHNT ngày 09/02/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(11) Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HỆTDHM/DPTW2 ngày 06/09/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Thỏa thuận theo từng thời gian nhận nợ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(12) Vay cán bộ công nhân viên công ty, với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 11%
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2012
Thuế GTGT đầu ra	52.055.712	7.594.939.260	7.346.035.381	300.959.591
Thuế GTGT hàng NK	3.389.340.298	83.022.790.918	84.431.718.647	1.980.412.569
Thuế xuất nhập khẩu	255.074.399	9.809.359.529	10.159.198.033	(94.764.105)
Thuế TNDN	3.150.026.912	6.295.467.378	7.948.033.210	1.497.461.080
Thuế thu nhập cá nhân	217.387.466	2.041.122.192	1.692.525.947	565.983.711
Thuế nhà đất	-	8.041.480.000	8.041.480.000	-
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Các loại thuế khác	-	185.325.353	185.325.353	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			94.764.105
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.063.884.787			4.344.816.951

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

11. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước lãi phải trả hợp tác kinh doanh Tổng Công ty	1.883.602.692	4.366.666.667
Trích trước chi phí thuê kho tại Hà Nội	3.079.652.000	688.320.000
Phải trả phí kiểm toán	66.000.000	66.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Chương Dương	982.646.446	-
Tổng cộng	6.011.901.138	5.120.986.667
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>396.371.601</i>	<i>236.898.772</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>-</i>	<i>144.921.641</i>
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>12.730.654.792</i>	<i>16.237.082.797</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>89.044.501.357</i>	<i>101.827.957.510</i>
Vốn hợp tác kinh doanh của Tổng Công ty Dược Việt Nam (*)	70.000.000.000	80.000.000.000
Nhận ký quỹ thế chân thuê kho	1.894.810.000	3.151.629.771
Nhận ký quỹ Xây dựng trung tâm phân phối dược phẩm	12.141.636.977	18.518.150.000
Phải trả trung tâm phân phối	961.012.911	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.047.041.469	158.177.739
<i>Dư có Phải thu khác - CN Tây Nguyên</i>	<i>31.025.743</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	102.202.553.493	118.446.860.720
(*) Hợp tác kinh doanh với Tổng công ty để kinh doanh thuốc, phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên và kết quả hợp tác kinh doanh.		
13. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	-	11.444.077.693
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	11.444.077.693
Tổng cộng	-	11.444.077.693

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 334 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 3866 9876 Fax: (84-8) 3865 0750

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 cho năm tài chính 2012

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
 (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	62.735.191.829	-	35.795.625.450	12.008.942.450	-	110.539.759.729
- Tăng vốn trong năm trước	2.218.240.601	-	-	-	(2.218.240.601)	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	17.074.689.779	17.074.689.779
- Trích lập các quỹ	-	-	3.404.694.061	1.507.469.380	(12.856.449.178)	(7.944.285.737)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	(4.334.247.749)	-	-	(2.000.000.000)	(6.334.247.749)
Số dư tại ngày 31/12/2011	64.953.432.430	(4.334.247.749)	39.200.319.511	13.516.411.830	-	113.335.916.022
- Tăng vốn trong năm nay	3.495.972.458	-	-	-	(3.480.566.225)	15.406.233
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	19.267.925.802	19.267.925.802
- Tăng khác	-	4.334.247.749	-	-	-	4.334.247.749
- Trích lập các quỹ	-	-	5.577.234.962	1.926.792.580	(11.492.213.989)	(3.988.186.447)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-	(4.295.145.588)	(4.295.145.588)
Số dư tại ngày 31/12/2012	68.449.404.888	-	44.777.554.473	15.443.204.410	-	128.670.163.771

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2012	01/01/2012
VND	VND
68.449.404.888	64.953.432.430
68.449.404.888	64.953.432.430

- Vốn góp của Tổng công ty Dược Việt Nam

Cộng



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Năm 2012
(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hoá	2.681.757.879.832	2.440.433.534.521
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.003.706.240	21.694.841.784
Tổng cộng	2.699.761.586.072	2.462.128.376.305

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chiết khấu thương mại	-	304.298.940
Giảm giá hàng bán	589.688.049	2.219.320
Hàng bán bị trả lại	27.060.991.007	29.483.078.000
Tổng cộng	27.650.679.056	29.789.596.260

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	2.654.107.200.776	2.410.643.938.261
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.003.706.240	21.694.841.784
Tổng cộng	2.672.110.907.016	2.432.338.780.045

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ	2.447.288.386.477	2.207.968.013.346
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.254.192.702	-
Tổng cộng	2.448.542.579.179	2.207.968.013.346

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.183.017.946	11.548.445.448
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	539.850.207	600.671.072
Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	540.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.112.800	4.476.667
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	21.716.668.539	22.229.207.515
Tổng cộng	31.843.649.492	34.383.340.702

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

20. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	86.862.087.105	95.141.479.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.053.037.108	18.640.237.201
Chiết khấu thanh toán	303.370.822	-
Tổng cộng	95.218.495.035	113.781.716.709

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.711.667.227.100	2.469.950.351.482
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.686.081.244.788	2.447.185.770.666
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	25.585.982.312	22.764.580.816
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	404.112.800	5.016.667
Chi phí không được trừ	22.589.132	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	25.181.869.512	22.759.564.149
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.295.467.378	5.689.891.037

22. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.064.552.283	2.849.156.808
Chi phí nhân công	74.683.937.125	61.184.273.878
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.797.377.920	2.423.405.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.557.751.549	22.711.148.023
Chi phí khác bằng tiền	34.613.000.762	36.243.446.107
Tổng cộng	143.716.619.639	125.411.430.694

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<i>Nhận tiền hợp tác kinh doanh</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	47.095.000.000	80.000.000.000
<i>Trả tiền hợp tác kinh doanh</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	57.095.000.000	25.000.000.000
<i>Lãi hợp tác kinh doanh</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	6.739.299.568	4.366.666.667
<i>Trả lãi hợp tác kinh doanh</i>			
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	8.925.000.000	-
<i>Bán hàng</i>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty	2.527.823.160	3.148.330.230
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	27.348.961.080	25.077.179.136
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	15.312.355.957	5.797.345.348
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	14.994.657.675	1.863.932.452
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha Lào	Công ty liên doanh	5.737.292.683	11.447.525.697
<i>Mua hàng</i>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty	1.472.265.730	722.509.759
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	27.750.955.894	20.768.732.724
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	1.500.030.000	935.137.738
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	3.098.748.995	7.012.736.549
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	979.231.665	54.170.109
1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm			
		Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập Ban giám đốc công ty		2.167.521.832	2.324.293.713
Tổng cộng		2.167.521.832	2.324.293.713
1.3 Số dư với các bên liên quan			
	<i>Quan hệ với Công ty</i>	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hợp tác kinh doanh phải trả			
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	70.000.000.000	80.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Lãi hợp tác kinh doanh phải trả

Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	1.883.602.692	4.366.666.667
----------------------------	------------	---------------	---------------

Các khoản phải thu

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty	12.121.891	80.720.134
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	6.554.403.145	25.305.047
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	605.719.650	522.511.871
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha Lào	Công ty liên doanh	18.469.447.085	19.632.450.308

Các khoản phải trả

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	1.327.177.447	18.735.331.461
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	599.806.996	479.223.540
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	957.814.452	1.494.952.434
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	164.033.541	54.170.109

2. Những thông tin khác

2.1 Chi phí bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	70.990.569.606	56.218.231.307
Chi phí vật liệu, bao bì	93.579.487	78.298.227
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.609.929.930	1.974.915.363
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.653.607.247	2.083.440.230
Chi phí bảo hành	46.045.000	49.763.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.771.604.733	14.867.901.152
Chi phí bằng tiền khác	15.772.373.161	23.791.578.058
Tổng cộng	109.937.709.164	99.064.127.337

2.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.635.340.743	4.966.042.571
Chi phí đồ dùng văn phòng	361.042.866	795.943.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	352.914.691	339.965.648
Thuế, phí và lệ phí	8.254.543.295	8.122.618.512
Chi phí dự phòng	4.588.538.215	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.786.146.816	7.843.246.871
Chi phí bằng tiền khác	5.403.934.784	4.279.486.537
Tổng cộng	32.382.461.410	26.347.303.357

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Năm 2012

2.3 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	107.045.454	506.184.430
Tiền thưởng từ khách hàng	705.616.456	717.497.875
Thu từ tiền góp xây dựng trung tâm thuốc	4.750.836.803	1.940.434.884
Trợ cấp mất việc làm	1.836.650.746	-
Thu nhập khác	312.521.133	64.113.546
Tổng cộng	7.712.670.592	3.228.230.735

2.4 Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	22.589.132	24.609.917
Tổng cộng	22.589.132	24.609.917

2.5 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty TNHH MTV Dược phẩm trung ương 2 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2013
CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập



CN. Chu Thị Bích Hồng

Kế toán trưởng



CN. Nguyễn Văn Tuất

Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 2355604 Quyền số: SCT/BS

Ngày 07 tháng 08 năm 2015

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 14, QUẬN 10



Võ Thái Sơn